



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # \_\_\_\_\_  
VEWL # \_\_\_\_\_  
I-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM

<sup>A</sup>  
KE  
Last

NGOC  
Middle

<sup>S</sup>  
NGUYEN  
First

Current Address 248/23<sup>T</sup> Tân An H. street, Tân-Lê-Ville Bình Định Dist Bình Long Prov

Date of Birth Jan 04, 1948 Place of Birth Thị-Huân An Giang

Previous Occupation (before 1975) Int Corporal 1st class An Trâm 84 APO 96215  
(Rank & Position) Kiến Phong Prov

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From Nov 14, 1983 To Feb 02, 1989

SPONSOR'S NAME

PAUL HARDIN  
Name

Federal Way Wash 98003 USA  
Address & Telephone

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

TS' Thị Nguyễn

my old sister

TAM Thị Nguyễn

my young sister

Grand Prairie Texas

75.051 USA

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the JDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : KE NGOC NGUYEN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH  | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|----------------|---------------------|
| 01 HUONG Kim Nguyen                      | Mar 17 - 1960  | My wife             |
| 02 DUY Ngoc Nguyen                       | 1969           | My son              |
| 03 PHONG Duy Nguyen                      | Mar 12 - 1970  | My son              |
| 04 DIEM Ngoc Kim Phong Nguyen            | Aug 16 - 1971  | My daughter         |
| 05 UYEN Ngoc Kim Diem Nguyen             | Sept 15 - 1972 | My daughter         |
|                                          |                |                     |
|                                          |                |                     |
|                                          |                |                     |
|                                          |                |                     |
|                                          |                |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)  
Mailing Address: Nguyen Thai Tul

Granville Prairie Texas 75051

ADDITIONAL INFORMATION Last DSA Major Stone (Kien-van Ditt  
Kien's Phong Prov.)  
Last Rank 75- Sergeant S.D. 69/503369

I have been declaring from 68 to 75.

I'm a fire mission of 30 platoon, B company, 67 Artillery Bat.

- KE 19 year of birth - 68 and 69
- Duy 19 69 - 68
- Diem 19 71 - 72
- Uyen 19 72 - 73

are only one person between  
my household census book that  
it is different Birth Certificate.

BỘ NỘI VỤ  
Trại và CTRM  
Số 17 /HS/09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 91-0116, ban  
Lệnh theo công văn số  
205 ngày 27 tháng 11  
năm 1972

3 2 8 0 8 5 0 1 5 7 2

SISLO

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thủ hành án vẫn, quyết định tha số 37/QĐ UNT ngày 23 tháng 01 năm 1979

Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN NGỌC KẾ Sinh năm 1947

Các tên gọi khác:

Nơi sinh: An Tú an, Tân lược, Bình minh, Cửu Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

Cán tại Việt Nam thuộc quốc (TCM)

Bị bắt ngày 14 / 11 / 1963 An phận trước cải tạo 3 năm

Theo quyết định, án văn số 887 ngày 01 tháng 11 năm 1965 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Cửu Long

Đã bị đăng án 01 lần, cộng thành 03 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại An Tú an, Tân lược, Bình minh, Cửu Long

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo lúc đầu anh KẾ chưa tin

tướng vào đường lối, chính sách của Đảng nhà nước ta

Qua ta giáo dục anh KẾ thấy được cố gắng tâm, ra sức cải

tạo đã chuyển lại lối làm việc tích cực trong lao động

Thời gian sau này có nhiều tiến bộ

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã Tân lược, Bình minh

Trước ngày 4 tháng 2 năm 1979

Lưu tại phòng (trở lại)  
Hàng đầu KẾ  
Của  
Danh  
Lập

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Ngày tháng năm 1979

Trưởng trại

(Chữ ký, họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Nguyễn Ngọc Kế

Nguyễn Văn...

Xã Nhân  
Nguyễn Ngọc Kế có tên  
Chức vụ giữ Nhân  
Đã vào 5/2/89  
Minh CSKT

Nguyễn Thị Nhu

KẾ NGOC NGUYEN  
248/23.T

**LUTHERAN IMMIGRATION  
AND REFUGEE SERVICE**

QUESTIONNAIRE/AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP  
(To be completed by U.S. Relative)

RE-ED

## SECTION I

My name is NGUYEN THI TU

Other names I have used                      None

My date of birth June/01/1941

My place of birth Thoi Thuan/An Giang-VN

My present address \_\_\_\_\_  
Grand Prairie, TX. 75051

My phone number is \_\_\_\_\_

## SECTION 2

I entered the U.S. on 1/29/85 (date) from Philippine(country)

My status in the U.S. is Parolee ☒ Permanent Resident ☐

|                                       | U.S. Citizen | Conditional Entrant |
|---------------------------------------|--------------|---------------------|
| 1. Name (Last, first, middle initial) |              |                     |
| 2. Date of birth                      |              |                     |
| 3. Date of entry                      |              |                     |
| 4. Date of expiration                 |              |                     |
| 5. Date of departure                  |              |                     |
| 6. Date of re-entry                   |              |                     |
| 7. Date of re-examination             |              |                     |
| 8. Date of re-examination             |              |                     |
| 9. Date of re-examination             |              |                     |
| 10. Date of re-examination            |              |                     |
| 11. Date of re-examination            |              |                     |
| 12. Date of re-examination            |              |                     |
| 13. Date of re-examination            |              |                     |
| 14. Date of re-examination            |              |                     |
| 15. Date of re-examination            |              |                     |
| 16. Date of re-examination            |              |                     |
| 17. Date of re-examination            |              |                     |
| 18. Date of re-examination            |              |                     |
| 19. Date of re-examination            |              |                     |
| 20. Date of re-examination            |              |                     |
| 21. Date of re-examination            |              |                     |
| 22. Date of re-examination            |              |                     |
| 23. Date of re-examination            |              |                     |
| 24. Date of re-examination            |              |                     |
| 25. Date of re-examination            |              |                     |
| 26. Date of re-examination            |              |                     |
| 27. Date of re-examination            |              |                     |
| 28. Date of re-examination            |              |                     |
| 29. Date of re-examination            |              |                     |
| 30. Date of re-examination            |              |                     |
| 31. Date of re-examination            |              |                     |
| 32. Date of re-examination            |              |                     |
| 33. Date of re-examination            |              |                     |
| 34. Date of re-examination            |              |                     |
| 35. Date of re-examination            |              |                     |
| 36. Date of re-examination            |              |                     |
| 37. Date of re-examination            |              |                     |
| 38. Date of re-examination            |              |                     |
| 39. Date of re-examination            |              |                     |
| 40. Date of re-examination            |              |                     |
| 41. Date of re-examination            |              |                     |
| 42. Date of re-examination            |              |                     |
| 43. Date of re-examination            |              |                     |
| 44. Date of re-examination            |              |                     |
| 45. Date of re-examination            |              |                     |
| 46. Date of re-examination            |              |                     |
| 47. Date of re-examination            |              |                     |
| 48. Date of re-examination            |              |                     |
| 49. Date of re-examination            |              |                     |
| 50. Date of re-examination            |              |                     |
| 51. Date of re-examination            |              |                     |
| 52. Date of re-examination            |              |                     |
| 53. Date of re-examination            |              |                     |
| 54. Date of re-examination            |              |                     |
| 55. Date of re-examination            |              |                     |
| 56. Date of re-examination            |              |                     |
| 57. Date of re-examination            |              |                     |
| 58. Date of re-examination            |              |                     |
| 59. Date of re-examination            |              |                     |
| 60. Date of re-examination            |              |                     |
| 61. Date of re-examination            |              |                     |
| 62. Date of re-examination            |              |                     |
| 63. Date of re-examination            |              |                     |
| 64. Date of re-examination            |              |                     |
| 65. Date of re-examination            |              |                     |
| 66. Date of re-examination            |              |                     |
| 67. Date of re-examination            |              |                     |
| 68. Date of re-examination            |              |                     |
| 69. Date of re-examination            |              |                     |
| 70. Date of re-examination            |              |                     |
| 71. Date of re-examination            |              |                     |
| 72. Date of re-examination            |              |                     |
| 73. Date of re-examination            |              |                     |
| 74. Date of re-examination            |              |                     |
| 75. Date of re-examination            |              |                     |
| 76. Date of re-examination            |              |                     |
| 77. Date of re-examination            |              |                     |
| 78. Date of re-examination            |              |                     |
| 79. Date of re-examination            |              |                     |
| 80. Date of re-examination            |              |                     |
| 81. Date of re-examination            |              |                     |
| 82. Date of re-examination            |              |                     |
| 83. Date of re-examination            |              |                     |
| 84. Date of re-examination            |              |                     |
| 85. Date of re-examination            |              |                     |
| 86. Date of re-examination            |              |                     |
| 87. Date of re-examination            |              |                     |
| 88. Date of re-examination            |              |                     |
| 89. Date of re-examination            |              |                     |
| 90. Date of re-examination            |              |                     |
| 91. Date of re-examination            |              |                     |
| 92. Date of re-examination            |              |                     |
| 93. Date of re-examination            |              |                     |
| 94. Date of re-examination            |              |                     |
| 95. Date of re-examination            |              |                     |
| 96. Date of re-examination            |              |                     |
| 97. Date of re-examination            |              |                     |
| 98. Date of re-examination            |              |                     |
| 99. Date of re-examination            |              |                     |
| 100. Date of re-examination           |              |                     |

My ALIEN REGISTRATION NUMBER is: A- 27361118

My NATURALIZATION CERTIFICATE NUMBER is: \_\_\_\_\_

|                  |     |
|------------------|-----|
| Voluntary Agency | IRC |
|------------------|-----|

### SECTION 3

These are my immediate relatives whom I have requested to join me from Vietnam:

| NAME                        | RELATIONSHIP<br>TO ME | DATE & PLACE<br>OF BIRTH | PRESENT ADDRESS              | VIETNAMESE<br>EXIT PRMT.# | I-130 FILED<br>IN CITY OF | DATE<br>APRVD |
|-----------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------|
| <del>NGUYEN NGOC KE</del>   | <del>Brother</del>    | <u>Jan/4/48</u>          | <u>248/23T Tan An Hamlet</u> | <u>No</u>                 | <u>No</u>                 | <u>NA</u>     |
|                             |                       | <u>Thoi Thuan/An</u>     | <u>Tan Luoc Village</u>      |                           |                           |               |
|                             |                       | <u>Giang</u>             | <u>Binh Minh District</u>    |                           |                           |               |
|                             |                       |                          | <u>Cuu Long Province</u>     |                           |                           |               |
| <del>NGUYEN KIM HUONG</del> | <u>Sister-in-law</u>  | <u>Mar/17/50</u>         | <u>" "</u>                   | <u>" "</u>                | <u>" "</u>                | <u>" "</u>    |
|                             |                       | <u>Nam Vang</u>          |                              |                           |                           |               |
| <u>NGUYEN NGOC DUY</u>      | <u>Nephew</u>         | <u>1969</u>              | <u>" "</u>                   | <u>" "</u>                | <u>" "</u>                | <u>" "</u>    |
| <u>NGUYEN DUY PHONG</u>     | <u>Nephew</u>         | <u>Mar/12/70</u>         | <u>" "</u>                   | <u>" "</u>                | <u>" "</u>                | <u>" "</u>    |
| <u>NGUYEN PHONG KIM</u>     | <u>Niece</u>          | <u>Aug/16/71</u>         | <u>" "</u>                   | <u>" "</u>                | <u>" "</u>                | <u>" "</u>    |
| <u>NGOC DIEM</u>            |                       |                          |                              |                           |                           |               |
| <u>NGUYEN DIEM KIM</u>      | <u>Niece</u>          | <u>Sept/15/72</u>        | <u>" "</u>                   | <u>" "</u>                | <u>" "</u>                | <u>" "</u>    |
| <u>NGOC UYEN</u>            |                       |                          |                              |                           |                           |               |
|                             |                       |                          |                              |                           |                           |               |
|                             |                       |                          |                              |                           |                           |               |
|                             |                       |                          |                              |                           |                           |               |
|                             |                       |                          |                              |                           |                           |               |

SECTION 4

The following are persons whom I would like to join me from Vietnam (listed in SECTION 3), and who were closely associated with U.S. programs, U.S. government organizations, or U.S. firm in Vietnam before April 1975.

| <u>NAME</u>    | <u>DESCRIPTION OF ASSOCIATION (if possible include dates, positions, supervisors, nature of duties, etc)</u>                                                                                                |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| NGUYEN NGOC KE | Int Corporal 1st class Adv. Team 84 APO 96215 at Kien Phong Province, Name of Supervisor : Paul Hardin/ Wa. 98003 (attached the Political prisoner registration form and the re-ed camp release statement.) |

SECTION 5

These are the rest of my family members NOT listed in SECTION 3. (Please include your parents, brothers, sisters, spouse, and children. Please include persons who are deceased.)

| <u>NAME</u>       | <u>RELATIONSHIP</u> | <u>DATE/PLACE OF BIRTH</u> | <u>PRESENT ADDRESS</u>                 |
|-------------------|---------------------|----------------------------|----------------------------------------|
| NGUYEN VAN KY     | Father              | Deceased                   |                                        |
| NGUYEN THI NGUYEN | Mother              | "                          |                                        |
| NGUYEN THI BA     | Sister              | "                          |                                        |
| NGUYEN THI NAM    | "                   | 1943/Thoi Thuan-VN         | Thoi Thuan/An Giang-Vietnam            |
| NGUYEN THI CUC    | "                   | 1946/Thoi Thuan-VN         | Vinh Long - Vietnam                    |
| NGUYEN THI TAM    | "                   | 1951/Thoi Thuan-VN         | 1010 Lafontana/Grand Prairie, TX 75051 |

SECTION 6

If you are married:

(see page #2)

| <u>NAME OF WIFE/HUSBAND</u> | <u>DATE/PLACE OF BIRTH</u> | <u>PRESENT ADDRESS</u> |
|-----------------------------|----------------------------|------------------------|
| None                        |                            |                        |

Give the date and place where you were married: N/A

SECTION 7

I swear that the above information is true to the best of my knowledge: ✓ [Signature] Date 4-9-90  
SIGNATURE

Subscribed and sworn to before me,

Signature of Notary Public Linda Genon

this

9th

day of 198

1990

My commission expires: 9-30-92

SECTION 5 : (continued)

Page2

These are the rest of my family members NOT listed in SECTION 3. (Please include your parents, brothers, sisters, spouse, and children. Please include persons who are deceased.)

| <u>NAME</u>      | <u>RELATIONSHIP</u> | <u>DATE/PLACE OF BIRTH</u>         | <u>PRESENT ADDRESS</u>  |
|------------------|---------------------|------------------------------------|-------------------------|
| PHAN THI MY DUNG | Daughter            | 1960/Binh Dinh-Qui Nhon<br>Vietnam | UNKNOWN                 |
| PHAN THI MY LE   | "                   | 1963/Long Xuyen-Vietnam            | Long Xuyen-Vietnam      |
| NGUYEN MINH HAI  | SON                 | 1966/Tinh Bien-Chau Doc<br>Vietnam | Grand Prairie, TX 75051 |
| DENNIS BRITT     | DAUGHTER            | 1969/Philippine                    | " "                     |

CU T NGMYEN

GRAND PRAIRIE TX 75051

APR 2 , 1990



Begin Your  
Giant Stamp  
Collect Stamps!

FR: P.O BOX 5435 ARLINGTON  
VA 22205 - 0635

**CONTROL**

☐ Card  
☒ Doc. Request; Form  
☐ Release Order  
☐ Computer  
☐ Form "D"  
☐ ODP/Date \_\_\_\_\_  
☐ Membership; Letter

*gjh 8/22*

*5/2/90*